

## **KINH TẾ VIỆT NAM 2017**

### **TẠO LẬP NỀN TẢNG CHO TĂNG TRƯỞNG NHANH VÀ BỀN VỮNG**

**GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn**

**Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**

Kết thúc năm 2017 - năm bản lề của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020) và là năm chạy nước rút cho Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, nền kinh tế nước ta đã đạt được nhiều kết quả phát triển ấn tượng như tăng trưởng kinh tế ở mức cao, nền kinh tế vĩ mô ổn định và tiếp tục hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới.

Để đạt được những kết quả nêu trên có rất nhiều nguyên nhân trong đó nguyên nhân quan trọng nhất là môi trường đầu tư – kinh doanh được cải thiện đáng kể, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế được nâng cao, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện, và quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững tiếp tục được thực hiện trong suốt giai đoạn vừa qua (Nguyễn Quang Thuấn, 2017a, 2017b).

Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta cũng đang đứng trước nhiều vấn đề, rào cản cần tháo gỡ để có thể duy trì tăng trưởng bền vững, đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội cho kế hoạch 5 năm và chiến lược 10 năm.

Báo cáo tập trung đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2017; phân tích các động lực chính của tăng trưởng kinh tế; dự báo triển vọng kinh tế năm 2018 và chỉ ra những vấn đề lớn mà nền kinh tế gặp phải; và cuối cùng gợi mở những nhóm giải pháp nhằm tạo lập nền tảng vững chắc cho tăng trưởng nhanh và bền vững trong giai đoạn tới.

#### **1. Kết quả kinh tế của năm 2017**

Năm 2017 là năm hiếm hoi mà 13 chỉ tiêu phát triển kinh tế đều đạt và vượt mức kế hoạch mà Quốc hội đã đề ra. Trong đó, hai chỉ tiêu kinh tế quan trọng

nhất và được quan tâm nhiều nhất là tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ lạm phát đều đạt kết quả ấn tượng. Tăng trưởng kinh tế năm 2017 đạt 6,81%, cao nhất trong suốt 10 năm qua. Tỷ lệ lạm phát ở mức thấp 3,53%. Trong những năm gần đây, tỷ lệ lạm phát thấp đã góp phần quan trọng vào tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô của nước ta.

Tổng kim ngạch xuất – nhập khẩu hàng hóa của nước ta đã đạt mức cao kỷ lục 425 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 36 tỷ USD, dự trữ ngoại hối đạt mức kỷ lục 51,5 tỷ USD, thị trường chứng khoán lên mốc 950 điểm và tăng trưởng của khu vực dịch vụ ở mức cao nhất (đạt 7,44%) kể từ năm 2008, góp phần vào tăng trưởng kinh tế cao của năm 2017.<sup>1</sup>

Cũng trong năm 2017, diễn biến của một số chỉ tiêu kinh tế cho thấy mức độ ổn định của nền kinh tế đang có sự cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ nợ công/GDP đã giảm từ 63,6% năm 2016 xuống còn 62% năm 2017. Tốc độ tăng nợ công đang có xu hướng giảm dần, nếu như trong giai đoạn 2011-2015 tăng trưởng nợ công trung bình đạt 18,4%, thì năm 2016 tốc độ tăng đã giảm xuống 15% và năm 2017 tiếp tục giảm mạnh xuống còn 9%. Bội chi ngân sách Nhà nước giảm và ở mức thấp, đạt khoảng 3,5% GDP. Tỷ lệ chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách Nhà nước có xu hướng giảm từ mức gần 70% xuống còn 64,9% năm 2017 và dự kiến sẽ giảm còn 64% năm 2018.<sup>2</sup>

Có thể thấy việc giảm bội chi ngân sách và nợ công trong năm 2017 đang dần củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc hơn, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững trong thời gian sắp tới.

Chính sách hợp lý và hành động quyết liệt của Chính phủ đã đạt được thành quả bước đầu tích cực trong năm 2017. Động lực quan trọng cho nền kinh tế là niềm tin thị trường được tạo dựng, năng lực cạnh tranh được nâng cao và môi trường kinh doanh được cải thiện rõ rệt. Từ đó tạo ra các kết quả kinh tế ấn

---

<sup>1</sup> Số liệu tham khảo từ bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với địa phương vào ngày 28/12/2017.

<sup>2</sup> Số liệu tham khảo từ phiên trả lời chất vấn kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa 14 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Đinh Tiến Dũng.

tượng, tích cực khác như tăng trưởng kinh tế ở mức cao, tỷ lệ lạm phát thấp, chỉ số chứng khoán tăng cao, số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh.

## **2. Cải thiện môi trường kinh doanh – Động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế 2017**

Có rất nhiều nguyên nhân góp phần tạo nên kết quả ấn tượng của nền kinh tế nước ta trong năm 2017: nền kinh tế vĩ mô ổn định, thương mại quốc tế mở rộng, tăng trưởng sản lượng trong khu vực nông nghiệp và dịch vụ ở mức cao...; tuy nhiên, nguyên nhân hay động lực mang tính nền tảng hơn cả là sự cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh của nền kinh tế.

Môi trường kinh doanh cải thiện sẽ làm giảm chi phí giao dịch, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế trong trung và dài hạn. Môi trường đầu tư – kinh doanh của Việt Nam đã tăng hạng ấn tượng trong nhiều báo cáo của các tổ chức quốc tế. Việt Nam được đánh giá cao không chỉ về *sự thăng hạng vượt bậc* so với chính mình, mà còn thu hẹp đáng kể khoảng cách tụt hậu so với nhóm ASEAN-4 (bao gồm Singapore, Malaysia, Thailand, và Philippines), cũng như vượt qua Trung Quốc.

Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh 2018 của Ngân hàng Thế giới (WB), môi trường kinh doanh của Việt Nam đã vươn lên vị trí 68/190 nước năm 2017, tăng 14 bậc so với năm 2016 (đạt vị trí 82/190) và tăng 23 bậc so với năm 2015 (đạt vị trí 91/189). Môi trường kinh doanh của Việt Nam không chỉ cải thiện vượt bậc về thứ hạng mà còn được đánh giá có tiến bộ đáng kể về điểm xếp hạng trong cùng kỳ (đạt 67,93 điểm năm 2017, tương ứng tăng 2,9 điểm và 5,7 điểm so với năm 2016 và 2015). Số liệu thống kê cho thấy mức tăng bậc xếp hạng và điểm xếp hạng về cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2017 là thành tích đạt được cao nhất kể từ đầu thập kỷ 2010 cho đến nay.

Cũng theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2017 đã thu hẹp đáng kể khoảng cách tụt hậu trong bảng xếp hạng khi so sánh trực tiếp với ASEAN-4 trong cùng kỳ. Cụ thể, nếu như năm 2015, “khoảng cách tụt hậu” của Việt Nam so với mức bình quân chung của nhóm nước ASEAN-4 là 47 bậc trong bảng xếp hạng môi trường kinh doanh, thì đến năm 2017 con số này đã giảm đáng kể xuống chỉ còn 27 bậc. Trên thực tế, Việt Nam đã cải thiện tích cực không chỉ trong thu hẹp khoảng cách tụt hậu về thứ bậc xếp

hạng, mà quan trọng hơn là còn thu hẹp đáng kể khoảng cách tụt hậu về điểm số xếp hạng khi so với ASEAN-4 trong cùng kỳ (khoảng cách tụt hậu về điểm số giảm từ mức 12,4 điểm năm 2015 xuống tới 8,2 điểm năm 2017).

Đặc biệt, môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2017 đã lần đầu tiên được cộng đồng quốc tế đánh giá có sự cải thiện vượt bậc khi so sánh với Trung Quốc trong cùng kỳ. Nếu như vào năm 2015, môi trường kinh doanh của Việt Nam vẫn bị tụt hậu 6 bậc xếp hạng so với Trung Quốc, thì đến năm 2017 Việt Nam không những đã tiến kịp mà còn vượt qua Trung Quốc tới 10 bậc xếp hạng. Đây cũng là lần đầu tiên trong hơn một thập kỷ qua, điểm số xếp hạng về môi trường kinh doanh của Việt Nam (đạt 67,17 điểm năm 2017) được đánh giá cao hơn khi so sánh trực tiếp với Trung Quốc (đạt 65,29 điểm) trong cùng kỳ.

Cải thiện môi trường kinh doanh đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Theo Báo cáo đánh giá năng lực cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) công bố ngày 27/9/2017, chỉ số năng lực cạnh tranh của Việt Nam đã tăng từ 4,31 năm 2016 lên 4,4 năm 2017. Xếp hạng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam tăng 5 bậc so với năm 2016 và tăng 20 bậc so với 5 năm trước đây. Và cùng với đó, hiệu quả đầu tư của nền kinh tế được cải thiện rõ rệt. Hệ số ICOR năm 2017 là 4,93, thấp hơn so với năm 2016 là 5,15 (tính theo giá cố định). Hệ số ICOR thấp hơn phản ánh hiệu quả đầu tư của nền kinh tế cao hơn.

Tiến triển vượt bậc trong môi trường kinh doanh năm 2017 là kết quả từ những nỗ lực, quyết tâm bền bỉ của Chính phủ trong những năm qua.

*Thứ nhất*, sự quyết tâm chính trị cao song hành với nỗ lực nâng cao năng lực quản trị nhà nước của Chính phủ Việt Nam theo hướng xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân và doanh nghiệp là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất có tính chi phối (trực tiếp và gián tiếp) tới sự cải thiện vượt bậc về môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2017.

*Thứ hai*, sự nâng cao chất lượng công tác hoạch định chính sách về cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng công khai, minh bạch, nhất quán, có sự tham vấn cộng đồng và có trách nhiệm giải trình cao được xem là một trong những nguyên nhân quan trọng hàng đầu khác mang tính quyết định tới sự thăng hạng vượt bậc về môi trường kinh doanh của nước ta trong năm 2017.

*Thứ ba*, sự đồng loạt hưởng ứng tinh thần cải cách của Chính phủ của các Bộ, ngành bằng các chính sách và hành động cụ thể. Có thể kể một số ví dụ tiêu biểu bao gồm: Bộ Tài chính cải cách các quy định và thủ tục về thuế, hải quan; Ngân hàng Nhà nước nâng cao chất lượng hệ thống thông tin tín dụng; bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người vay và người cho vay; Bộ Xây dựng tăng cường thực hiện các biện pháp rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục liên quan; Bộ Kế hoạch và Đầu tư rút ngắn thủ tục và thời gian hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh; Bộ Tư pháp nâng cao chất lượng thi hành án dân sự, góp phần cải thiện các chỉ số thuộc lĩnh vực tư pháp... Cả nước đã có trên 5.000 thủ tục được cắt giảm trong năm 2017, trong đó dẫn đầu việc triển khai cắt giảm thủ tục tạo điều kiện thuận lợi hơn cho môi trường kinh doanh là các Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, cùng với Bộ Xây dựng (cắt trên 1/3 thủ tục).

*Thứ tư*, sự tăng cường hiệu quả thực thi và phối hợp chính sách về cải thiện môi trường kinh doanh với trọng tâm nâng cao năng lực thực thi và giám sát dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, ngành, địa phương (trong 5 lĩnh vực cải cách sau: tiếp cận điện năng, tiếp cận tín dụng, thanh toán thuế, giao dịch thương mại qua biên giới, và thực thi hợp đồng) cũng được đánh giá là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất có tính chất quyết định trực tiếp tới sự thăng hạng nhanh về môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2017.

*Thứ năm*, ổn định kinh tế vĩ mô vững chắc song hành với ổn định chính trị xã hội cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng với tư cách là điều kiện cần cho cải thiện chất lượng môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2017.

### **3. Triển vọng và thách thức đặt ra cho nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới**

Một số tổ chức uy tín quốc tế đã đưa ra các dự báo về triển vọng cho nền kinh tế Việt Nam trong năm 2018. Nói chung, các dự báo đang đưa ra tín hiệu tích cực cho nền kinh tế nước ta. Theo dự báo của Ngân hàng ANZ, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2018 sẽ đạt 6,8% và tỷ lệ lạm phát ở mức 3,5%. Ngoài chỉ số kinh tế vĩ mô chính là tăng trưởng và lạm phát, ANZ dự báo tỷ giá

hối đoái của đồng VND so với USD ổn định, dự trữ ngoại hối tăng, dòng vốn FDI sẽ tăng trưởng cao (Hồng Quân, 2017).

HSBC dự báo nền kinh tế nước ta có thể chuyển đổi từ trạng thái “tăng trưởng cao, lạm phát thấp” sang trạng thái “tăng trưởng ổn định, lạm phát cao”. HSBC dự báo lạm phát nước ta ở mức cao là do viện phí tăng, giá dầu và giá lương thực tăng cao. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát được dự báo cũng chỉ ở mức 3,7% vào năm 2018, thấp hơn so với mục tiêu 4% và nói chung mức lạm phát dưới 4% là chấp nhận được để vừa đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, vừa kích thích tăng trưởng của nền kinh tế.

Theo báo cáo mới nhất của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) vào ngày 13/12, ADB đã điều chỉnh dự báo về tăng trưởng kinh tế của Việt Nam theo hướng tích cực hơn. Cụ thể, theo các dự báo công bố trước đó, tăng trưởng kinh tế của nước ta chỉ được dự báo đạt 6,3% và 6,5% vào năm 2018; tuy nhiên, báo cáo mới nhất dự báo tăng trưởng kinh tế đạt 6,7% (Hà Thanh, 2017). Như vậy, hầu hết các dự báo cho thấy triển vọng của nền kinh tế nước ta trong năm tới là tương đối tốt. Khả năng cao sẽ đạt được tăng trưởng kinh tế 6,7% và tỷ lệ lạm phát khoảng 4% như mục tiêu đề ra trong *Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018* vào ngày 1/1/2018 của Chính phủ.

Trong thời gian sắp tới, nền kinh tế nước ta có thể sẽ chịu tác động từ những xu thế toàn cầu. Những xung đột địa chính trị, xu hướng bảo hộ, giá dầu và giá nguyên nhiên liệu trên thế giới tăng, Fed lần thứ 3 tăng lãi suất do nền kinh tế Mỹ đã phục hồi vững chắc hơn... Các nhân tố này có thể sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, với niềm tin trong nền kinh tế đang được củng cố, môi trường kinh doanh được cải thiện và nguồn lực phân bổ hiệu quả hơn, kết quả tăng trưởng kinh tế và ổn định vĩ mô về ngắn hạn sẽ vẫn tương đối khả quan cho dù có những cú sốc tiêu cực từ bên ngoài. Vấn đề quan trọng hơn trong thời gian sắp tới là thiết kế các chính sách, giải pháp và hành động để giải quyết các vấn đề, thách thức của nền kinh tế nhằm tạo lập nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững. Các thách thức đặt ra cho nền kinh tế Việt Nam gồm có:

*Thứ nhất, năng suất lao động của Việt Nam còn thấp hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực cho dù tăng trưởng kinh tế ở mức cao.* Theo tính toán

của Tổng cục Thống kê, năng suất lao động của Việt Nam năm 2016 “chỉ bằng 7% của Singapore, 17,6% của Malaysia và 36,5% của Thái Lan. Mỗi lao động của Việt Nam chỉ có năng suất bằng 42,3% của Indonesia, 56,7% của Philippines và đặc biệt là chỉ bằng 87,4% năng suất lao động của Lào. Điều đáng lo hơn cả là chênh lệch về năng suất lao động giữa Việt Nam với các nước vẫn tiếp tục gia tăng” (Bạch Dương, 2017).

Ông Ousmane Dione, Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, trong bài phát biểu khai mạc tại Diễn đàn Phát triển Việt Nam 2016 cho rằng: *Trong vài năm gần đây, sau thời kỳ suy thoái toàn cầu Việt Nam đã phục hồi đà tăng trưởng ngoạn mục. Nhưng xu thế giảm mức tăng năng suất lao động vẫn tồn tại và gây quan ngại. Mức tăng năng suất lao động của Việt Nam chưa đạt 4% và có xu thế đi xuống. Trong khi đó tỷ lệ năng suất lao động của Trung Quốc là trên 7%, của Hàn Quốc là 5% khi các nước này còn ở cùng trình độ phát triển như hiện nay của Việt Nam. Tốc độ tăng năng suất lao động như hiện nay khó có thể đảm bảo tăng trưởng cho Việt Nam theo kịp quỹ đạo tăng trưởng của Hàn Quốc hay Singapore* (Dione, 2016).

Điều đáng nói nữa là thách thức về năng suất lao động của Việt Nam trong bài phát biểu của ông Ousmane Dione được đặt lên trên các thách thức khác như môi trường, giảm nghèo và phúc lợi xã hội, và huy động vốn cho phát triển.

*Thứ hai*, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước lớn về mặt số lượng (96,5% số doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa) nhưng trên thực tế chỉ khoảng 8% số vốn trong các doanh nghiệp Nhà nước là được cổ phần hóa, chuyển giao cho khu vực tư nhân. Điều này cũng có nghĩa khu vực tư nhân tham gia vào bộ máy quản trị của doanh nghiệp Nhà nước, tham gia vào thiết kế chiến lược sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa còn hạn chế; vì thế hiệu quả của doanh nghiệp Nhà nước chậm cải thiện, dẫn đến môi trường sản xuất – kinh doanh còn chịu tác động gây méo mó<sup>3</sup> (Trần Đình Thiên, 2017).

*Thứ ba*, xây dựng năng lực để tận dụng cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn chậm. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang có

---

<sup>3</sup> Xem thêm nghiên cứu của Nguyễn Quang Thuấn (chủ biên) (2014) về thực trạng cải cách doanh nghiệp Nhà nước và các vấn đề đặt ra sau gần 30 năm đổi mới.

những ảnh hưởng mạnh mẽ lên nền kinh tế nước ta. Đảng và Chính phủ đã nhận thức được tầm quan trọng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, cũng như hiểu rõ cơ hội và thách thức mà chúng có thể mang lại. Tuy nhiên, nỗ lực chuẩn bị và triển khai nâng cao năng lực nội tại để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 còn chậm. Cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội còn nhiều hạn chế khi đứng trước làn sóng của các công nghệ mới, của các doanh nghiệp mới và các loại hình kinh doanh mới. Hệ thống giáo dục và đào tạo từ cấp tiểu học đến bậc cao còn chậm đổi mới. Quản trị Nhà nước ở các cấp dựa trên nền tảng công nghệ số còn chưa tương xứng với tiềm năng và đòi hỏi của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hệ thống quy định và luật pháp cũng còn nhiều vướng mắc khi phải xử lý xung đột giữa các phương thức kinh doanh truyền thống và các phương thức mới dựa trên nền tảng công nghệ trong kỷ nguyên số. Vấn đề an ninh trên không gian số cũng đặt ra những thách thức mới đòi hỏi phải có những thể chế cũng như năng lực đổi mới công nghệ số ở mức cao. Chậm xây dựng năng lực để tận dụng cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ làm giảm cơ hội đuổi kịp các nước phát triển trong khu vực và thế giới, giảm cơ hội thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình trong dài hạn.<sup>4</sup>

*Thứ tư*, sự kết nối giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước thiếu chặt chẽ dẫn đến việc thu hút các doanh nghiệp FDI không lồ như Samsung vào nền kinh tế nhưng chưa tạo nên hiệu ứng lan tỏa tích cực về công nghệ và tạo ra năng lực sản xuất cho nền kinh tế trong tương lai.

Hơn nữa, lợi ích mà các doanh nghiệp FDI mang lại chưa tương xứng với những ưu đãi mà Nhà nước ta dành cho khu vực này và hiệu ứng ngoại lai tiêu cực mà một số doanh nghiệp FDI gây ra thậm chí còn rất lớn (nhất là về mặt bảo vệ môi trường). Hay nói cách khác, chi phí mà các doanh nghiệp FDI tạo ra nhưng không phải gánh chịu mà do xã hội gánh chịu là rất lớn, làm giảm đi những lợi ích mà các doanh nghiệp FDI mang lại cho nền kinh tế theo hướng phát triển kinh tế bền vững.

---

<sup>4</sup> Xem thêm các nghiên cứu của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (2016) và Ban Kinh tế Trung ương (2017) để hiểu rõ hơn về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và những thách thức, cơ hội đặt ra cho Việt Nam.



#### **4. Định hướng chính sách tạo lập nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững**

Môi trường kinh doanh đóng vai trò xương sống cho sự phát triển ổn định và tăng trưởng của nền kinh tế. Các chính sách tạo dựng niềm tin, cải thiện môi trường kinh doanh để giảm chi phí giao dịch cũng đồng thời là các chính sách khuyến khích sự phát triển của khu vực doanh nghiệp, thúc đẩy đầu tư và mở rộng sản xuất.

Năm 2017 đánh dấu sự vươn lên vượt bậc trong môi trường kinh doanh của nước ta so với chính mình và với các nước trong khu vực, làm cho nền kinh tế nước ta trở nên hấp dẫn hơn trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy thương mại trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Để duy trì tăng trưởng nhanh và bền vững trong thời gian sắp tới, các chính sách cần chú trọng nâng cao chất lượng của môi trường đầu tư – kinh doanh và cùng với đó là các chính sách giải quyết những vấn đề đang tồn đọng trong nền kinh tế, tăng cường xây dựng năng lực nội tại để có thể chủ động đón nhận cơ hội và vượt qua thách thức từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Dưới đây là các định hướng chính sách chủ yếu nhằm tạo dựng và tiếp tục củng cố niềm tin, cải thiện chất lượng môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và chuẩn bị năng lực cần thiết cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

#### **Ưu tiên tiếp tục thiết lập nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô vững chắc hơn.**

Ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô kết hợp với ổn định chính trị xã hội cần được coi là mục tiêu ưu tiên vì đây chính là “điều kiện cần” cho cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đến năm 2020 và giai đoạn xa hơn.

*Chính sách tiền tệ cần hướng tới mục tiêu lạm phát như đã đề ra.* Để duy trì tỷ lệ lạm phát 4%, tổng phương tiện thanh toán (M2) có thể tăng trưởng ở mức hợp lý (khoảng 15%) tùy thuộc vào các cú sốc kinh tế bên trong và bên ngoài. Ngoài ra, chính sách tiền tệ cũng cần hướng tới đảm bảo tính thanh khoản trên thị trường tài chính và hệ thống ngân hàng.

*Ngân hàng Nhà nước cần kiểm soát tốt dòng tín dụng vào nền kinh tế để nâng cao chất lượng tín dụng và đồng thời góp phần giảm tỷ lệ nợ xấu.* Kiểm soát dòng tín dụng gồm có giám sát dòng tín dụng đi vào các doanh nghiệp Nhà nước hoặc vào các doanh nghiệp tư nhân lớn, giám sát hiệu quả hoạt động của các dự án có sử dụng vốn vay lớn vì một khi dự án thiếu hiệu quả hay phá sản sẽ tạo ra hiệu ứng ngoại lai tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và hệ thống tài chính nói riêng.

*Chính sách tài khóa cần tiếp tục hướng tới việc giảm thâm hụt ngân sách, giảm dần nợ công và nợ nước ngoài.* Để thực hiện được nhiệm vụ này, Chính phủ cần quyết tâm thực hiện *ràng buộc ngân sách cứng*, giao trách nhiệm cho người đứng đầu dự án hay cơ quan chủ quản; và khi dự án thiếu hiệu quả, Chính phủ có thể cho phá sản thay vì cấp vốn để dự án tiếp tục hoạt động thiếu hiệu quả.

### **Tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.**

Để tiếp tục cải thiện mạnh mẽ chất lượng của môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, Chính phủ cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, chính sách sau:<sup>5</sup>

+ Chủ động nâng cao năng lực quản trị nhà nước hiện đại và tăng cường ứng dụng quản trị số trong xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân và doanh nghiệp.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào nâng cao chất lượng công tác hoạch định chính sách về cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng công khai, minh bạch, nhất quán, có sự tham vấn cộng đồng và có trách nhiệm giải trình cao.

+ Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin vào cải thiện mục tiêu khởi sự kinh doanh và giải quyết phá sản doanh nghiệp của Việt Nam ngay từ đầu năm 2018 nhằm không chỉ rút ngắn khoảng cách tụt hậu quá xa của Việt Nam so với ASEAN-4 mà quan trọng hơn là góp phần khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

---

<sup>5</sup> Về các giải pháp về khoa học và công nghệ, có thể tham khảo thêm nghiên cứu của Đỗ Hoài Nam (2016).

+ Xây dựng lộ trình triển khai hiệu quả chiến lược phát triển ngành thương mại điện tử song hành với chiến lược bảo đảm an ninh mạng và thanh toán quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

+ Khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nói chung, trong đó chú trọng hơn tới thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, gắn kết trường đại học và viện nghiên cứu với cộng đồng doanh nghiệp, đồng thời gia tăng tỷ lệ chi tiêu cho R&D ở cả khu vực công và tư, cũng như tập trung nâng cao hiệu quả thực thi chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và hiệu lực thực thi hợp đồng kinh doanh phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán quốc tế.

### **Chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong kỷ nguyên số.**

Năm 2017 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong nhận thức của Việt Nam về Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), được thể hiện rõ nét qua việc ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.

Trong năm 2018, cần tiếp tục có những bước đi cụ thể trong việc hiện thực hóa tầm nhìn của lãnh đạo cấp cao:

+ Cần tiếp tục nghiên cứu kinh nghiệm của thế giới, đặc biệt các nước trong khu vực đang có những chiến lược, chương trình hành động thiết thực để vượt lên những thách thức và nắm bắt những cơ hội của CMCN 4.0.

+ Giao cho các cơ quan nghiên cứu, cơ quan thống kê phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có những điều tra, nghiên cứu đánh giá nhằm xác định rõ Việt Nam nói chung, các doanh nghiệp, cơ quan chính phủ và người dân nói riêng đang ở đâu trong CMCN 4.0.

+ Trên cơ sở xác định được tọa độ của Việt Nam trong cuộc cách mạng số cũng như việc tổng kết kinh nghiệm quốc tế, đề xuất kế hoạch hành động phù hợp để giúp các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp và người dân phát huy tối đa tiềm năng của mình trong kỷ nguyên số nhằm giúp Việt Nam thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước tiên tiến.

## **Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, tăng cường tính kết nối giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước.**

+ *Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước cần thực hiện triệt để hơn và thay vì chỉ tập trung vào cổ phần hóa về mặt số lượng mà không có sự thay đổi lớn về chất, Chính phủ cần đẩy mạnh cổ phần hóa về chất, nghĩa là tập trung vào cổ phần hóa về vốn và cho phép sự tham gia của khu vực tư nhân sâu rộng hơn nữa vào bộ máy quản trị trong các doanh nghiệp đã cổ phần hóa.*

+ *Chính phủ cần chủ động thiết kế cơ chế mời gọi các nhà đầu tư chiến lược có khả năng nâng cao năng lực và hiệu quả của doanh nghiệp Nhà nước sau khi cổ phần hóa thay vì chỉ hướng đến mục tiêu bán vốn hay cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước về mặt số lượng.*

+ *Chính phủ cần chủ động lựa chọn các doanh nghiệp FDI chất lượng cao thay vì các doanh nghiệp FDI đầu tư vào nền kinh tế để tận dụng sự lỏng lẻo trong quản lý môi trường và những chính sách ưu đãi. Bên cạnh đó, cần có chiến lược để nâng cao năng lực của các doanh nghiệp nội địa nhằm tăng cường khả năng kết nối giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài; tăng cường khả năng chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI sang các doanh nghiệp trong nước vì các doanh nghiệp FDI – trong hầu hết các nền kinh tế đang phát triển và mở cửa – là nhân tố đóng vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện nâng cao năng suất và chuyển giao các công nghệ tiên tiến đến các doanh nghiệp nội địa. Việc đẩy mạnh chuyển giao công nghệ cần gắn chặt chẽ với các chính sách như chính sách phát triển khoa học – công nghệ của các doanh nghiệp trong nước, chính sách giáo dục – đào tạo, và chính sách thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp.*

## **Truyền tải thông điệp và hành động chính sách đến người dân.**

*Cuối cùng, các chính sách tốt sẽ thiếu hiệu quả nếu thông điệp của chính sách không được truyền tải tốt nhất đến người dân nói chung và các tác nhân chịu tác động nói riêng. Chính phủ trong nhiệm kỳ này đã thực hiện rất tốt công tác truyền tải thông điệp của chính sách đến người dân thông qua các phương tiện truyền thông. Chính phủ sẽ cần tiếp tục tương tác mạnh mẽ hơn với người dân, truyền tải thông điệp chính sách rõ ràng, liên tục và tạo nên một Chính phủ cầu thị, biết lắng nghe để từ đó có những hành động vì Nhân dân, phục vụ doanh nghiệp để gây dựng niềm tin từ Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư như cam kết của Chính phủ vào đầu nhiệm kỳ./.*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Kinh tế Trung ương (2017), *Việt Nam với cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
2. Bạch Dương (2017), “Tổng cục Thống kê: Năng suất lao động người Việt thua Lào, bằng 7% Singapore”, *VnEconomy*, truy cập ngày 28/12/2017, địa chỉ đường dẫn [<http://vneconomy.vn/tong-cuc-thong-ke-nang-suat-lao-dong-nguoi-viet-thua-lao-bang-7-singapore-20171227161950647.htm>]
3. Dione, O. (2016), “Phát biểu khai mạc của ông Ousmane Dione, Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, tại Diễn đàn Phát triển Việt Nam 2016”, Ngân hàng Thế giới, truy cập ngày 3/1/2018 tại địa chỉ trang web của World Bank, link[<http://www.worldbank.org/vi/news/speech/2016/12/09/opening-remarks-by-ousmane-dione-world-bank-country-director-for-vietnam-at-the-vietnam-development-forum-2016>]
4. Đỗ Hoài Nam (2016), *Chính sách Thúc đẩy Hội nhập Quốc tế về Khoa học và Công nghệ của Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Hà Thanh (2017), “ADB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2018 lên 6,7%”, *Báo điện tử Kinh tế & Đô thị*, truy cập ngày 1/1/2018, địa chỉ đường dẫn [<http://kinhtedothi.vn/adb-nang-du-bao-tang-truong-kinh-te-viet-nam-2018-len-67-305301.html>]
6. Hồng Quân (2017), “ANZ dự báo: Tăng trưởng GDP năm 2018 của Việt Nam là 6,8%, lạm phát ở mức 3,5%”, *Tạp chí Điện tử Diễn đàn Đầu tư*, truy cập ngày 27/12/2017, địa chỉ đường dẫn [<http://bizlive.vn/ngan-hang/anz-du-bao-tang-truong-gdp-nam-2018-cua-viet-nam-la-68-lam-phat-o-muc-35-3424426.html>]
7. Nguyễn Quang Thuần (chủ biên) (2014), *Cải cách doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam sau gần 30 năm đổi mới: Thực trạng và giải pháp*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Quang Thuần (chủ biên) (2017a), *Kinh tế thế giới và Việt Nam 2016-2017: Thúc đẩy tăng trưởng và phát triển trong bối cảnh có nhiều thay đổi*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
9. Nguyen Quang Thuan (2017b), “Institutional reform in the market economy with a socialist orientation in Vietnam: Concept, practice, and recommendations”, *Vietnam's Socio-Economic Development*, Vol. 22, No. 90.

10. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (2017), “Bài phát biểu của Tổng Bí thư tại Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương”, ngày 28/12/2017, Hà Nội.

11. Tổng cục Thống kê (2017), *Niên giám thống kê 2016*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

12. Trần Đình Thiên (2017), “Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: cần thay đổi cách tiếp cận”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 12 (475).

13. VASS (2016), “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Một số đặc trưng, tác động và hàm ý chính sách đối với Việt Nam”, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.